

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

- Bản án số: 13/2019/HC - ST
- Ngày 12 tháng 9 năm 2019
- V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thuế”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

VỚI THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM GỒM CÓ:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - 1/. Ông Huỳnh Mậu Thìn
 - 2/. Ông Nguyễn Trung Tiến
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST-HC ngày 23 tháng 4 năm 2019 “Khiếu kiện quyết định hành chính áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thuế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐST - HC ngày 08 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Quách Thanh V, sinh năm 1976
Địa chỉ: Số 08, đường H, Khóm A, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phan Văn H - Là Luật sư Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Người bị kiện:* Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bạc Liêu
Địa chỉ cơ quan: đường T, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.
Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: ông Nguyễn Tuấn K – Phó Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bạc Liêu. (Giấy ủy quyền số 437/CT-TCCB ngày 06/6/2019)

(Ông V, ông K, vị luật sư có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của người khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay người khởi kiện là ông Quách Thanh V trình bày nội dung sau:

Ông Quách Thanh V không đồng ý đối với Quyết định về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 87/QĐ-CT ngày 14/02/2019 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bạc Liêu. Với các lý do như sau:

- Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bạc Liêu căn cứ vào kết quả thanh tra đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn (sau đây gọi tắt là TNHH) L để xử lý cá nhân Quách Thanh V là không đúng chủ thể, đối tượng đã được thanh tra trước đó. Bởi lẽ, tại kết luận thanh tra thuế số 53/KL-CT ngày 29/7/2015 và Kết luận giám định ngày 25/3/2016 của Tổng cục thuế đều xác định chủ thể thanh tra, giám định là Công ty TNHH L chứ không phải là cá nhân Quách Thanh V. Mặt khác, tại các Công văn số 368/VKS-P1 ngày 15/01/2019 và Công văn số 04/VKS ngày 24/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu thì đều yêu cầu “xem xét, xử lý” nên Cục thuế cần xác minh cụ thể số tiền thuế vi phạm để xử lý. Việc Cục thuế chỉ căn cứ vào kết luận thanh tra và kết quả điều tra tại Công ty TNHH L để xác định hành vi không kê khai đóng thuế của cá nhân Quách Thanh V là không có cơ sở.

- Cục trưởng cục thuế tỉnh Bạc Liêu căn cứ quyết định đình chỉ vụ án để xác định cá nhân Quách Thanh V trốn thuế và ra quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, truy thu thuế là không có căn cứ. Bởi lẽ, trong quá trình điều tra chưa xác định được cá nhân ông V hay Công ty TNHH L kinh doanh, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 200 BLHS 2015 và quyết định đình chỉ vụ án số 01 thì ông V chỉ là đại lý phân phối hưởng chiết khấu có dấu hiệu kinh doanh trái phép nên Cục thuế xác định ông V có hành vi trốn thuế là trái với nội dung kết luận trong quyết định đình chỉ vụ án nêu trên.

- Từ năm 2011 – 2013 ông V có thực hiện một số giao dịch mua bán thẻ cào điện thoại di động được thể hiện cụ thể với một số Công ty như: Công ty V, Công ty cổ phần M, ông V cho rằng các thẻ cào do ông bán ra đã được các nhà phát hành và đại lý kê khai nộp thuế đầy đủ, bản thân ông chỉ là đơn vị bán hưởng hoa hồng chiết khấu nên Cục thuế tỉnh Bạc Liêu xác định ông phải đóng thuế giá trị gia tăng lần 2 là không có căn cứ, trái quy định pháp luật.

- Về việc xác định doanh thu chịu thuế thu nhập cá nhân: Khi mua lại thẻ cào và bán để hưởng chiết khấu khoảng 0,2% nên không thể phát sinh lợi nhuận cao (gần 7%) như tính toán của Cục thuế. Mặt khác, trong tổng số doanh thu bán hàng còn phải trừ chi phí đầu vào, thuế, do đó, Cục thuế tỉnh Bạc Liêu tính thu nhập cá nhân chịu thuế dựa trên doanh số do Cơ quan điều tra xác định là không đúng quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên, ông V đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết hủy toàn bộ nội dung Quyết định về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 87/QĐ-CT ngày 14/02/2019 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bạc Liêu.

- Theo văn bản thể hiện ý kiến của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bạc Liêu đối với yêu cầu khởi kiện của ông Quách Thanh V và theo ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày nội dung sau:

Căn cứ đề Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 87/QĐ-CT ngày 14/02/2019 là:

- Hành vi của cá nhân ông Quách Thanh V kinh doanh thẻ cào nhưng không nộp hồ sơ đăng ký thuế là không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 108 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11; Đồng thời, do quá thời hiệu xử phạt thuế đối với V nên căn cứ theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 2 Nghị định số 129/2013/NĐ - CP ngày 16/10/2013 để buộc V phải nộp tiền khắc phục hậu quả là đúng quy định.

- Theo các văn bản số 101/VKS-KSĐT ngày 16/5/2018, Công văn số 368/VKS-KSĐT ngày 24/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; Công văn số 04/VKS-P1 ngày 15/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã xác định rõ cá nhân ông V thực hiện việc mua bán thẻ cào của các mạng di động nên cá nhân ông V là chủ thể có hành vi vi phạm.

- Hành vi kinh doanh thẻ cào điện thoại di động nhưng không đăng ký thuế, không nộp hồ sơ khai thuế của cá nhân ông V là hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 7, khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 108 của Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11.

- Căn cứ vào các quy định tại Điều 3 Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008, điểm 1, 2 mục 1, phần A Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ tài chính; Điều 2 Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/01/2012 của Bộ tài chính thì thẻ cào điện thoại di động là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng và cá nhân ông V kinh doanh thẻ cào thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng.

- Theo quy định tại Điều 3 Luật thuế thu nhập cá nhân và Điều 3 Nghị định số 100/2008/NĐ-CP thì khoản thu nhập từ việc kinh doanh thẻ cào điện thoại di động của ông V là khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân.

Từ những cơ sở nêu trên, việc ban hành quyết định số 87/QĐ-CT ngày 14/02/2019 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bạc Liêu là đúng quy định pháp luật nên không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông Quách Thanh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

+ Về Tổ tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính; Hội đồng xét xử tuân thủ theo quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý vụ án đúng quy định. Ông V có hành vi bán thẻ cào nên theo quy định pháp luật phải đăng ký và kê khai thuế. Số tiền 29.732.762.476 đồng ông V chưa kê khai, chưa nộp thuế theo quy định. Theo Điều 110 Luật quản lý thuế thì thời hạn truy thu thuế vẫn còn trong hạn quy

định. Do đó, căn cứ Điều 193 khoản 2 điểm a đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Thanh V về việc hủy toàn bộ Quyết định số 87/QĐ-CT ngày 14/02/2019 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bạc Liêu.

- Tại phiên tòa hôm nay người khởi kiện là ông Quách Thanh V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Về hình thức của Quyết định số 87 không đảm bảo đúng theo Mẫu số 13 Nghị định 97/CP do không có Biên bản vi phạm hành chính. Đối với thuế Giá trị gia tăng người bán thẻ cào cho V đã nộp đầy đủ nên V không phải nộp; đối với thuế thu nhập cá nhân V chỉ hưởng hoa hồng trong việc bán thẻ cào, cơ quan thuế chưa có căn cứ xác định thu nhập cá nhân của V để tính thuế. Việc sử dụng chứng cứ trong tố tụng hình sự làm căn cứ xử phạt hành chính là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Quách Thanh V, hủy toàn bộ Quyết định số 87/QĐ-CT ngày 14/02/2019 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Người bị kiện Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bạc Liêu được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt, nhưng có ông Nguyễn Tuấn K là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Quách Thanh V khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 87/QĐ-CT ngày 14/02/2019 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bạc Liêu nên theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30 và khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính thì quyết định hành chính mà ông Quách Thanh V khởi kiện là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 11 tháng 3 năm 2019, ông V khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 87/QĐ-CT ngày 14/02/2019 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bạc Liêu, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện của ông V vẫn còn.

[5] Xét tính hợp pháp của Quyết định về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 87/QĐ-CT ngày 14/02/2019 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bạc Liêu, thấy rằng:

[6] Về văn bản áp dụng để xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 87/QĐ-CT ngày 14/02/2019: Do hành vi vi phạm của ông V xảy ra vào thời điểm năm 2012, 2013 và 2014 nên cần áp dụng các văn bản luật quy định về thuế vào thời điểm xảy ra vi phạm, cụ thể là Luật xử lý vi phạm Hành chính năm 2012; Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 và Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và các văn bản hướng dẫn áp dụng.

[7] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Quyết định số 87/QĐ-CT ngày 14/02/2019 của Cục trưởng cục thuế tỉnh Bạc Liêu về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông V với lý do, ông V có hành vi kinh doanh thẻ cào nhưng không nộp hồ sơ đăng ký thuế; không nộp hồ sơ kê khai thuế. Đồng thời, do đã quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với ông V nên ông V phải khắc phục hậu quả nộp số tiền thuế trốn tổng cộng là 394.108.424 đồng. Như vậy, căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 44 Luật xử lý vi phạm Hành chính năm 2012; điểm d khoản 4 Điều 14; Điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế thì việc Cục trưởng cục thuế ban hành quyết định khắc phục hậu quả là đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

[8] Về nội dung: Xét về biện pháp xử phạt và thời hiệu ban hành quyết định: Ông V giao dịch mua bán thẻ cào điện thoại với các cửa hàng điện thoại di động từ thời điểm năm 2011 – 2013 nên theo quy định tại khoản 2 Điều 110 Luật quản lý thuế năm 2006 thì: *“Đối với hành vi trốn thuế, gian lận thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi chậm nộp tiền thuế, khai thiếu nghĩa vụ thuế, thời hiệu xử phạt là năm năm, kể từ ngày hành vi vi phạm được thực hiện”*. Do đó, tính đến năm 2019 thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với ông V đã hết. Tuy nhiên, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 65; khoản 2 Điều 66 Luật xử lý vi phạm Hành chính năm 2012; khoản 3 Điều 110 Luật quản lý thuế; khoản 3, khoản 4 Điều 2 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ thì ông V vẫn phải khắc phục hậu quả là nộp đủ số tiền thuế trốn vào Ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật.

[9] Xét về chủ thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thấy rằng: Ông V và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông V cho rằng tại Kết luận thanh tra thuế số 53/KL-CT ngày 29/7/2015; Kết luận giám định ngày 25/3/2016 của Tổng cục thuế đều xác định chủ thể mà Cục thuế thanh tra, giám định là Công ty trách nhiệm hữu hạn L chứ không phải cá nhân ông V, do đó, Cục trưởng cục thuế tỉnh Bạc Liêu căn cứ vào các kết luận nêu trên để xác định hành vi không kê khai đóng thuế của cá nhân ông V là không có cơ sở. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại kết luận giám định ngày 25/3/2016 đã kết luận tổng số tiền Công ty trách nhiệm hữu hạn L bán thẻ cào cho trong 03 năm (năm 2011, 2012, 2013) bỏ ngoài sổ sách không đăng ký kê khai và nộp thuế là 29.732.762.476 đồng. Tại quyết định đình chỉ vụ án hình sự số 01/QĐ-VKS ngày 16/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và Công văn số 368/VKS-KSĐT ngày 24/12/2018 đều xác định: tổng số tiền 29.732.762.476 đồng không liên quan đến

hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH L nên không truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trốn thuế đối với Công ty TNHH L theo quy định tại khoản 3 Điều 161 của Bộ luật hình sự, đồng thời, xác định số tiền trên là nhân danh cá nhân ông V thực hiện nhưng ông V không kê khai thuế là đã có hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 108 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11. Về tổng số tiền thực hiện việc mua bán giữa ông V với các cửa hàng thì ông V thống nhất và do có căn cứ xác định ông V không đưa số tiền này vào hoạt động kinh doanh chung với Công ty TNHH L nên không xử lý trách nhiệm đối với Công ty. Như vậy, đủ căn cứ để xác định số tiền nêu trên là do chính ông V nhân danh cá nhân đứng ra hoạt động kinh doanh nên việc Cục trưởng cục thuế tỉnh Bạc Liêu ra quyết định khắc phục hậu quả đối với chủ thể cá nhân ông Quách Thanh V là đúng quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 2 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.

[10] Xét về hành vi vi phạm: Ông V thực hiện một số giao dịch mua bán thẻ cào điện thoại di động với một số cửa hàng, theo quy định tại Điều 3 Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Điều 2 Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/01/2012 của Bộ tài chính quy định về đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng gồm: *“Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này”*; ***“Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng là hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế Giá trị gia tăng hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư này”***. Mặt khác, theo quy định tại điểm 2, mục I, phần A, Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ tài chính quy định về người nộp thuế như sau: *“Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, **kinh doanh hàng hóa, dịch vụ** chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức tổ chức kinh doanh..”*. Thẻ cào điện thoại di động là loại hàng hóa được ông V sử dụng để kinh doanh có lợi nhuận từ việc mua bán này nên hoạt động mua bán thẻ cào của ông V thuộc trường hợp phải nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định pháp luật.

[11] Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 3 Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 và Mục II, phần A, Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính quy định về khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân như sau: *“Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân gồm thu nhập từ kinh doanh (thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ...)”* và *“...các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm (thu nhập từ kinh doanh,..từ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc tất cả các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh...)”*. Việc ông V kinh doanh mua bán thẻ cào điện thoại di động là thuộc đối tượng nộp thuế, bao gồm thuế thu nhập cá nhân (sau đây gọi tắt là TNCN) và thuế giá trị gia tăng (sau đây gọi tắt là GTGT) nhưng ông V không thực hiện đúng nghĩa vụ của người nộp thuế theo quy định tại Điều 7 Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội. Đồng thời, ông V cũng thuộc trường hợp phải đăng ký thuế theo quy định tại Điều 21 Luật

quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội khi kinh doanh mua bán thẻ cào điện thoại di động nhưng ông V không thực hiện việc nộp hồ sơ đăng ký thuế; Không nộp hồ sơ khai thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 108 Luật quản lý thuế là ông V có hành vi trốn thuế theo như nội dung nhận định trong quyết định số 87/QĐ-CT ngày 14/02/2019 của Cục trưởng cục thuế tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ.

[12] Như đã được phân tích tại mục [9] của bản án này về việc có căn cứ xác định theo như kết luận điều tra thì tổng doanh thu mua bán thẻ cào điện thoại di động của ông V trong 03 năm với các cửa hàng điện thoại di động từ năm 2011 – 2013 là 29.732.762.476 đồng nên việc Cục trưởng cục thuế tỉnh Bạc Liêu căn cứ vào số doanh thu trên để xác định truy thu thuế giá trị gia tăng và làm cơ sở tính thuế thu nhập cá nhân đối với ông V là có căn cứ.

[13] Như vậy, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 87/QĐ-CT ngày 14/02/2019 là đúng theo các quy định tại điểm d khoản 4 Điều 44; khoản 2 Điều 65; khoản 2 Điều 66 Luật xử lý vi phạm Hành chính năm 2012; Điều 7, khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 108; khoản 3 Điều 110 của Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; khoản 3, khoản 4 Điều 2 Nghị định số 129/2013/NĐ - CP ngày 16/10/2013; Điều 3 Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 và Điều 3 Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008; Điều 3 Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008; điểm 1, 2 mục 1, phần A Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ tài chính; Điều 2 Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/01/2012 của Bộ tài chính. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Quách Thanh V về việc hủy Quyết định số 87/QĐ-CT ngày 14/02/2019 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bạc Liêu.

[14] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đưa ra các lập luận cho rằng việc ban hành Quyết định về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 87/QĐ-CT ngày 14/02/2019 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bạc Liêu là không đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, như đã phân tích trên, cá nhân ông V đã vi phạm quy định của pháp luật về thuế, cụ thể vi phạm Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007, số tiền vi phạm đã được chính ông V xác nhận phù hợp với việc thu thập chứng cứ từ người bán thẻ cào cho ông V và người mua lại thẻ cào của ông V, các căn cứ xử lý phù hợp quy định của pháp luật về thuế tại thời điểm xảy ra hành vi vi phạm. Do đó, không có căn cứ chấp nhận ý kiến đề xuất của vị luật sư về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.

[15] Từ những phân tích đã nêu trên, Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bạc Liêu đã ban hành Quyết định về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 87/QĐ-CT ngày 14/02/2019 đối với ông Quách Thanh V là đúng quy định pháp luật, yêu cầu của ông V hủy toàn bộ Quyết định số 87/QĐ-CT ngày 14/02/2019 là không có căn cứ nên bác yêu cầu khởi kiện của ông Quách Thanh V và ý kiến đề nghị của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V; có căn cứ

chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc bác yêu cầu khởi kiện của ông Quách Thanh V.

[16] Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Quách Thanh V phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 30, 32, 53, 55, 60, 115, 116, 156, 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

- Căn cứ điểm d khoản 4 Điều 44; khoản 2 Điều 65; khoản 2 Điều 66 Luật xử lý vi phạm Hành chính năm 2012;

- Căn cứ Điều 7, khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 108; khoản 3 Điều 110 của Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; khoản 3, khoản 4 Điều 2 Nghị định số 129/2013/NĐ - CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ;

- Căn cứ Điều 3 Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 21/11/2007 và Điều 3 Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ;

- Căn cứ Điều 3 Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008; điểm 1, 2 mục 1, phần A Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ tài chính; Điều 2 Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11/01/2012 của Bộ tài chính;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Quách Thanh V về việc yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 87/QĐ-CT ngày 14/02/2019 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bạc Liêu.

2/ Án phí sơ thẩm hành chính: Ông Quách Thanh V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), ông V đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai số 0010078 ngày 23/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh BL;
- Cục THADS tỉnh BL;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, THC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Minh Nguyệt

